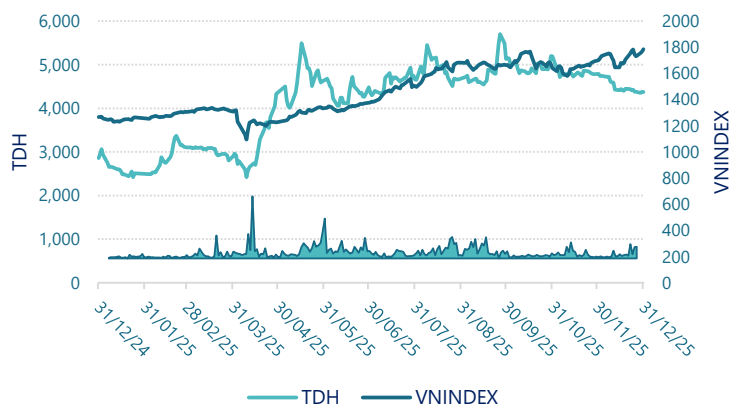


CTCP Phát triển Nhà Thủ Đức (HSX: TDH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	4,370
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,420
SL cổ phiếu LH	112,652,767
KLGD BQ 20 phiên (CP)	131,910
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	492
P/E	4.5
EPS	982

DT thuần

Q4/25

67.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 31.5 | 88.8%

YoY: ▲ 54.9 | 454%

LN sau thuế

Q4/25

7.27

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 76.9 | -91.4%

YoY: ▲ 291 | 103%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

86.5%

+/- YoY: ▲ 706%

DT thuần

2025

128

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 79.0 | 162%

LN sau thuế

2025

110

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 415 | 136%

ROE

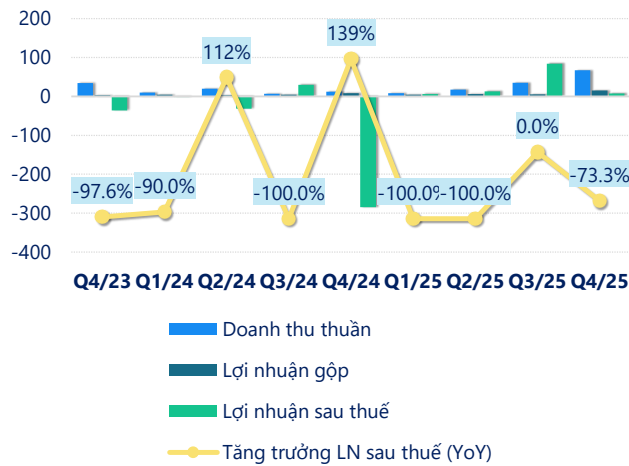
2025

87.1%

+/- YoY: ▲ 224%

tỷ VNĐ

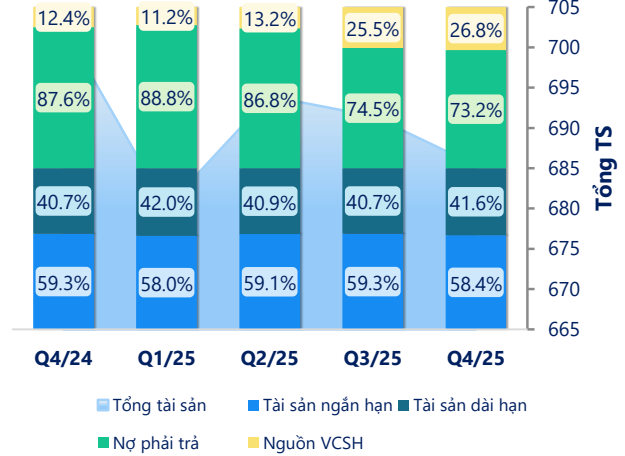
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

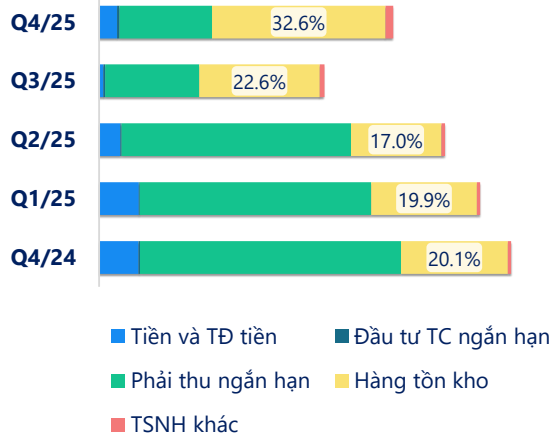
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



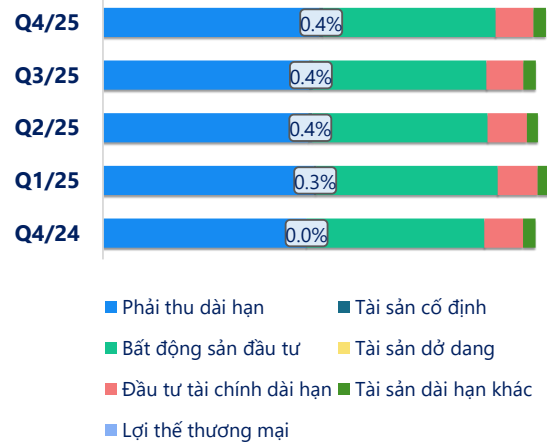
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

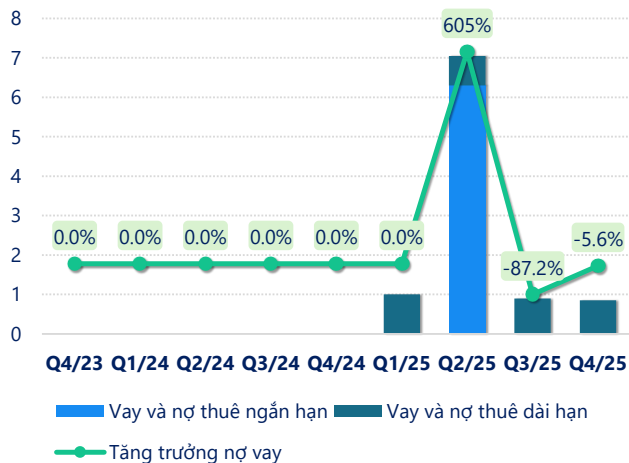
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

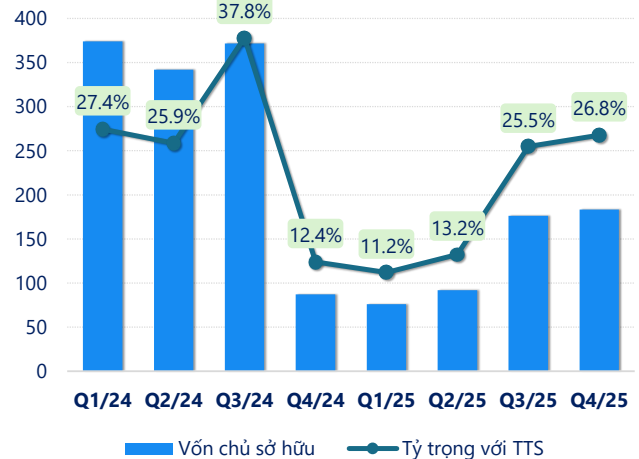
Nợ vay



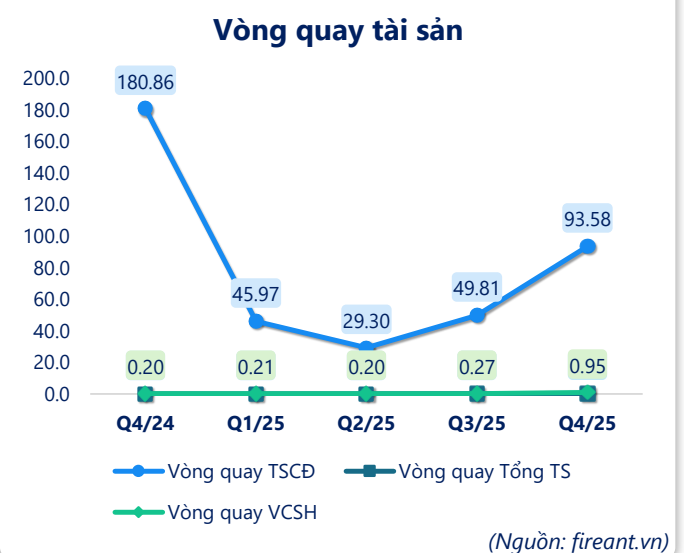
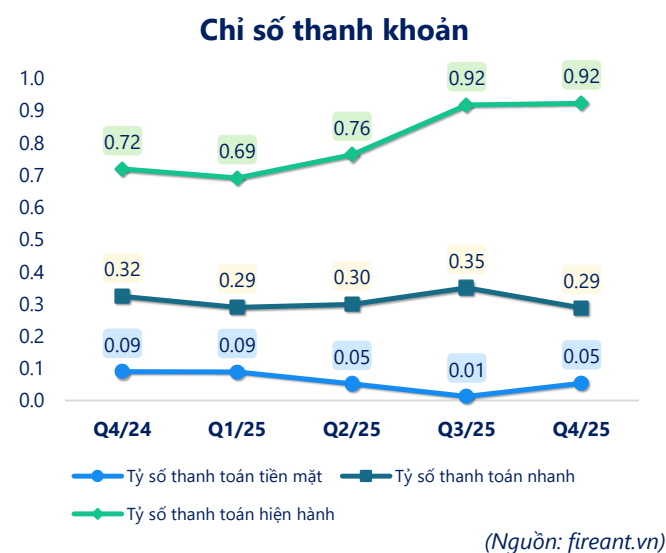
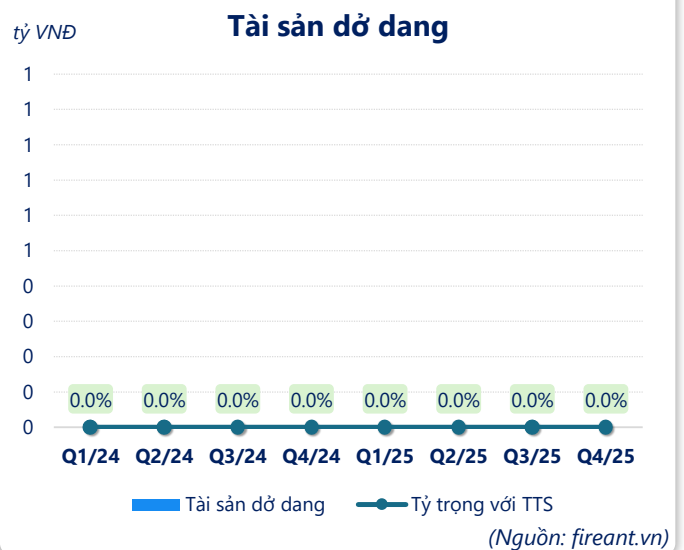
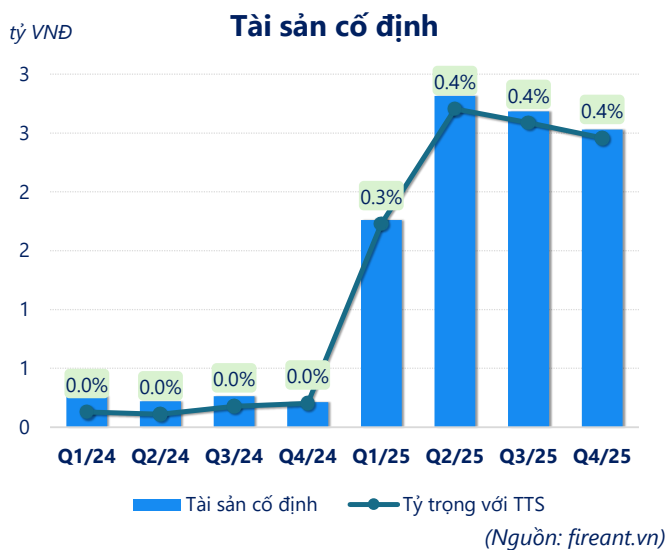
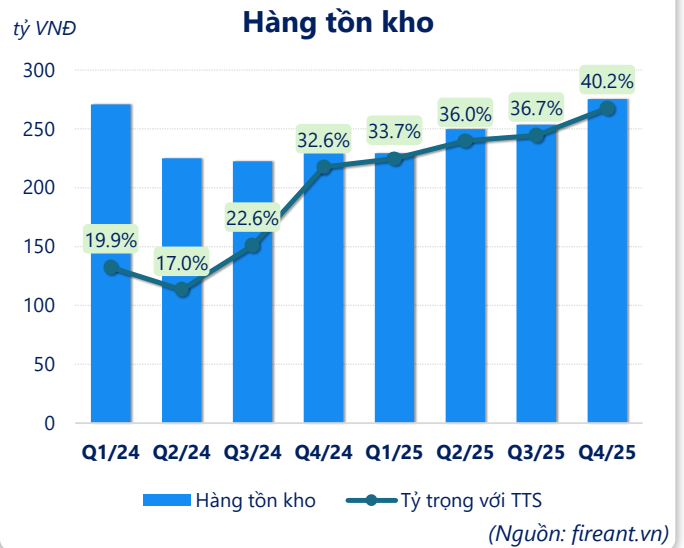
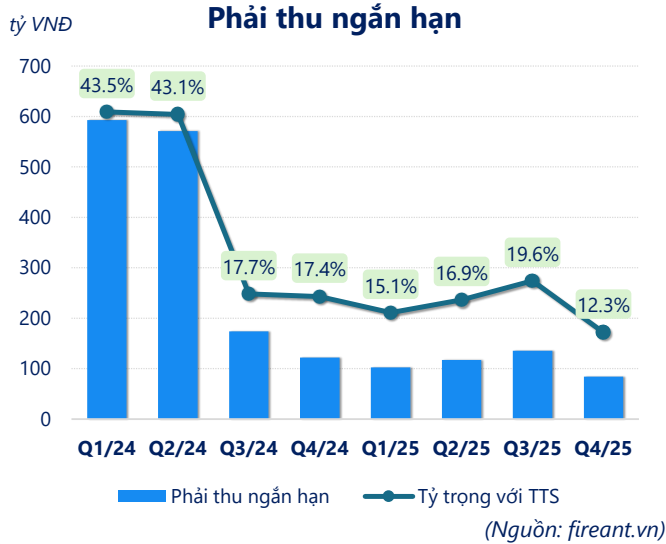
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	703	680	694	691	685
Tài sản ngắn hạn	417	394	410	410	400
Tiền và tương đương tiền	51.9	50.7	27.9	5.65	23.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.26	1.94	1.97	1.71	1.96
Phải thu ngắn hạn	122	103	117	136	84.1
Hàng tồn kho	229	229	250	254	275
Tài sản ngắn hạn khác	10.4	9.99	13.2	13.5	15.3
Tài sản dài hạn	286	286	284	281	285
Phải thu dài hạn	134	135	134	134	139
Tài sản cố định	0.21	1.76	2.82	2.68	2.53
Bất động sản đầu tư	117	116	114	113	111
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	25.6	25.6	25.6	23.9	24.3
Tài sản dài hạn khác	8.07	7.60	7.26	8.24	8.03
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	615	604	602	515	502
Nợ ngắn hạn	580	571	537	447	433
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	6.30	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	144	140	138	144	141
Nợ dài hạn	35.3	33.1	64.8	68.4	68.6
Vay và nợ thuê dài hạn	0	1.00	0.75	0.90	0.85
Nguồn vốn chủ sở hữu	87.1	76.2	91.9	176	183
Vốn chủ sở hữu	87.1	76.2	91.9	176	183
Vốn điều lệ	1,127	1,127	1,127	1,127	1,127
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)